

Bản án số 143/2021/DS-PT

Ngày 18/5/2021

Về “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành, bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 155/TBTL-TA ngày 18/3/2021 về “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*” do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1196/2021/QĐ-PT ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Châu L, sinh năm 1957; địa chỉ: K94/2 đường T, phường H, quận T1, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Đặng V, sinh năm 1965; địa chỉ: K131/15 đường N1, tổ 09, phường T2, quận T1, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1958 (vợ ông Lê Châu L); địa chỉ: K94/2 đường T, phường H, quận T1, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3.2. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1969 (vợ ông Đặng V); địa chỉ: K131/15 đường N1, tổ 9, phường T2, quận T1, thành phố Đà Nẵng, có mặt;

3.3. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Tầng 16 Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng, số 24 đường T3, quận H1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 23/STNMT-TTr ngày 20/8/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng là ông Nguyễn Thành Q1 (Giám đốc, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tại quận T1; địa chỉ: 503 đường T4, quận T1, thành phố Đà Nẵng) có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn (ông Lê Châu L) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Lê Châu L trình bày:*

Ngôi nhà trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 8, diện tích 54,7m² tại địa chỉ K402/H03/11 đường Đ, phường A (nay là tổ 07, phường T2) quận T1, thành phố Đà Nẵng được gia đình ông mua hóa giá từ Công ty quản lý và khai thác nhà đất thành phố Đà Nẵng theo Nghị định 61/NĐ-CP và ngày 30/3/2004 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 3402014604. Phía Tây ngôi nhà của Ông Bà giáp với nhà đất của hộ ông Đặng V và bà Đặng Thị L1, giữa 02 nhà có một đường rãnh thoát khí và thoát nước thải, nước mưa, là phần đất sử dụng chung của khu tập thể Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng không thuộc quyền sử dụng, sở hữu của riêng ai; tuy nhiên, hộ gia đình ông V bà L1 xây dựng lấn chiếm đường rãnh, lợp tôn đè lên phần mái tôn của nhà Ông. Ngày 27/4/2020 gia đình Ông và các hộ gia đình ở K402/H03 Đường Đ lập Biên bản xác nhận việc tranh chấp, lấn chiếm đường rãnh thoát nước chung của Khu tập thể. Đối với việc *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* mà hộ ông Đặng V, bà Đặng Thị L1 được cấp thì tại *Biên bản xác định ranh giới thửa đất* lập ngày 03/8/2000 thể hiện ranh giới với Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng là hàng rào của Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng phía bên trong, bên dưới có một hệ thống thoát nước (thoát nước mưa lẫn nước thải) dành cho nhiều hộ ở khu tập thể. Trước đây hàng rào này là lũy tre kết hợp căng dây thép gai và che chắn bằng những tấm ghi lỗ để chống trộm, nhưng năm 2012 vợ chồng ông V và bà L1 được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* trùm lên rãnh thoát nước chung của Khu tập thể dẫn đến nước ứ đọng, không còn đường thoát khí.

Nay ông L khởi kiện cho rằng vợ chồng ông V, bà L1 đã xây dựng lấn chiếm rãnh thoát nước chung kích thước rộng rộng từ 6m-8cm, dài 4m nên yêu cầu vợ chồng ông V, bà L1 tháo dỡ công trình xây dựng lấn chiếm, đồng thời đề nghị Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BK 992662 ngày 15/11/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho vợ chồng ông V, bà L1 vì cấp sai trình tự, thủ tục và cấp trùm lên phần rãnh thoát nước chung của Khu tập thể.

- *Bị đơn là ông Đặng V trình bày:*

Đất hộ gia đình ông V và hộ gia đình ông L đầu lưng với nhau có ranh giới rõ ràng là tường bao che của khu tập thể Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng nay là đất ở khu dân cư đang sinh sống đã hình thành từ xưa đến nay. Hiện nay, hộ ông L vẫn còn một mảng tường bao che cũ tiếp giáp với hộ ông V làm ranh giới rõ ràng. Bên cạnh hộ ông V còn có 03 hộ liền kề với ông L tiếp giáp với hộ ông V đã xây dựng nhà kiên cố không ai có tranh chấp và năm 2018, ông L cũng đã xây dựng nhà 03 tầng trên diện tích đất đang sử dụng. Đối với *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BK 992662 ngày 15/11/2012 mà Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho vợ chồng ông V, bà L1 là đúng trình tự, thủ tục nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu L yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng* gia đình Ông đã được cấp.

Đầu năm 2020, hộ gia đình ông V làm đơn lên chính quyền địa phương các cấp xin phép xây dựng ngôi nhà cấp 3 trên phần đất đã được chính quyền cấp sổ

đỏ hợp pháp. Sau khi được cấp Giấy phép xây dựng, vợ chồng ông V đã xây dựng nhà mới theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp. Lúc vợ chồng Ông xây dựng nhà thì ông L đã khiếu nại, cản trở nên Quy tắc Phường, Quy tắc quận T1 đã kiểm tra và đồng ý cho phép vợ chồng Ông tiếp tục xây dựng theo Giấy phép. Nay, vợ chồng ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tr (vợ ông Châu Văn L) thông nhất với trình bày và đề nghị của ông L.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị L1 (vợ ông V) thông nhất trình bày và đề nghị của ông V.*

- *Ông Nguyễn Thành Q1 là người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Hồ sơ cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đứng tên ông Lê Châu L đối với nhà đất tại địa chỉ K402/H03/11 đường Đ hiện do Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng quản lý.

Về *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BK 992662 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho vợ chồng ông Đặng V, bà Đặng Thị L1 ngày 11/5/2012 đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tổ 8 phường T2, quận T1, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất 75,4m² diện tích xây dựng và diện tích sử dụng là 68,7m². Nguồn gốc nhà đất được UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) cấp đất “*xây dựng công trình*” tại Công văn số 84/GH.UB ngày 17/4/1991. Ngày 13/3/2001, ông Đặng V và bà Đặng Thị L1 được Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số 3402013780 đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích đất ở 76m² tại địa chỉ tổ 37 phường A (nay là phường T2) quận T1, Đà Nẵng. Ngày 15/11 /2012, ông Đặng V và bà Đặng Thị L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BK 99266, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tổ 8 phường T2, quận T1, Đà Nẵng có diện tích đất 75,4m² (giảm 0,6m² so với *Giấy chứng nhận tạm thời*), diện tích xây dựng và diện tích sử dụng là 68,7m². Như vậy, việc cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BK 99266 cho ông Đặng V và bà Đặng Thị L1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T1 và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điều 147, các Điều 186, 192, 217, 218, 227, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu L đối với ông Đặng V về “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”.*

2. *Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự: Ông Lê Châu L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.*

3. *Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Châu L được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.*

4. Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí đo đạc 4.846.000 đồng (bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo Phiếu thu ngày 29/10/2020 của Trung tâm Kỹ thuật và Tài nguyên môi trường Đà Nẵng và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) ông Lê Châu L phải chịu (đã nộp và đã chi).

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 22/01/2021, ông Lê Châu L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 99266 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông V, bà L1 ngày 15/11/2012 vì cấp không đúng trình tự, thủ tục và cấp nhầm phần rãnh thoát nước, thông khí của chung Khu tập thể và buộc vợ chồng ông V, bà L1 tháo dỡ công trình xây dựng trả lại rãnh thoát nước, khí chung của Khu tập thể.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn (ông Lê Châu L) giữ nguyên kháng cáo.
- Bị đơn (ông Đặng V) không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung:

Diện tích đất hiện nay vợ chồng ông Lê Châu L đang sử dụng là thừa 0,5m² so với diện tích đất vợ chồng ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng ông L đã xây dựng nhà 3 tầng kiên cố có tường quay lưng lại với đất của vợ chồng ông V. Trong khi đó, diện tích đất vợ chồng ông V được Sở Địa chính nhà đất thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402013780 ngày 13/3/2001 là 76m²; diện tích được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 992662 ngày 15/11/2012 là 75,4m² nhưng diện tích đất hiện nay sử dụng chỉ có 68,7m² là thiếu đất. Vì các lý do trên, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L mới đúng nhưng lại nhận định ông L không thiếu đất nên không có quyền khởi kiện từ đó quyết định “đình chỉ giải quyết vụ án” là không đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhà và đất tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 8, diện tích 54,7m² địa chỉ K402/H03/11 đường Đ, phường A (nay là tổ 07, phường T2) quận T1, thành phố Đà Nẵng của vợ chồng ông Lê Châu L, bà Nguyễn Thị Tr nguyên là Khu nhà ở tập thể của công nhân Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng. Năm 2004, ông L và bà Tr được Công ty Quản lý và Khai thác nhà đất thành phố Đà Nẵng hóa giá nhà theo

Nghị định 61/NĐ-GP ngày 05/7/1994 của Chính phủ. Ngày 30/3/2004 ông L, bà Tr được UBND thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 3402014604 với diện tích đất 54,7m², diện tích xây dựng và diện tích sử dụng là 54,7m² kết cấu nhà một tầng, tường xây mái tôn. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông L, bà Tr gồm *Sơ đồ xác định hiện trạng ranh giới đất* do Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng lập ngày 08/10/2003 thể hiện tường nhà chủ hộ (bà Nguyễn Thị Tr) là ranh đất hướng Tây (hướng Tây đất của gia đình bà Tr giáp hộ bà Đặng Thị L1), bà Nguyễn Thị Tr đã ký vào Sơ đồ, ngoài ra Sơ đồ còn có chữ ký giáp ranh đất của bà Đặng Thị L1. Trên cơ sở ký và xác nhận tứ cận đối với thửa đất của ông L, bà Tr. Trên cơ sở *Sơ đồ xác định hiện trạng ranh giới đất* ngày 08/10/2003 nêu trên thì ngày 30/3/2004 hộ gia đình bà Tr được UBND thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* diện tích đất 54,7m², chiều dài hướng Bắc là 13,74m, chiều dài hướng Nam là 13,77m và chiều rộng thửa đất là 3,98m. Năm 2018, ông L và bà Tr xây dựng nhà 03 tầng, tường nhà 3 tầng nhà ông L giáp nhà đất nhà bà L1. Tại *Sơ đồ vị trí thửa đất* do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng lập ngày 16/11/2020 thể hiện diện tích đất hiện nay vợ chồng ông L, bà Tr sử dụng là 55,2m², chiều dài hướng Bắc là 13,75m, chiều dài hướng Nam là 13,77m và chiều rộng thửa đất từ 4m đến 4,02m. Như vậy, diện tích và kích thước thửa đất hiện nay gia đình ông L sử dụng, đã xây dựng nhà 3 tầng kiên cố trên đất lớn hơn diện tích và kích thước thửa đất mà vợ chồng ông L được UBND thành phố Đà Nẵng cấp tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 3402014604 ngày 30/3/2004.

[2] Nhà và đất vợ chồng ông Đặng V, bà Đặng Thị L1 hiện quản lý, sử dụng có nguồn gốc được UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) “*cấp đất xây công trình*” theo Công văn số 84/GH.UB ngày 17/4/1991. Ngày 13/3/2001, Sở Địa chính nhà đất thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số 3402013780 đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích đất ở 76m² địa chỉ tổ 37 phường A (nay là Tổ 09 phường T2), quận T1, thành phố Đà Nẵng. Hồ sơ cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất* cho vợ chồng ông V có *Biên bản về việc xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất* ngày 03/8/2000 thể hiện hướng Đông lấy tường nhà của Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng (sau này được hóa giá cho ông Lê Châu L, bà Nguyễn Thị Tr) làm ranh, chủ sử dụng đất (bà Đặng Thị L1) và các hộ lân cận trong đó có Công ty Xây lắp điện Đà Nẵng ký xác nhận tứ cận. Ngày 15/11/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BK 992662, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26, diện tích đất ở 75,4m² (giảm 0,6m² so với diện tích được cấp quyền sử dụng tại *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất*) diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 68,7m². Năm 2020, hộ gia đình ông V đã được cấp *Giấy phép xây dựng* và triển khai xây dựng nhà thì vợ chồng ông L ngăn cản, Chính quyền và Đội Quy tắc xây dựng đô thị Phường, Quận đã kiểm tra và xác định gia đình ông V xây dựng nhà đúng diện tích, kích thước đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và *Giấy phép xây dựng*.

[3] Từ [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy hộ gia đình ông V không lấn đất của hộ gia đình ông L và việc Sở Tài nguyên và Môi

trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 992662 ngày 15/11/2012 cho vợ chồng ông Đặng V, bà Đặng Thị L1 đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 26, diện tích đất ở 75,4m² trên cơ sở Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L nhưng lại nhận định hộ gia đình ông L không thiếu đất nên ông L không có quyền khởi kiện từ đó quyết định “*đình chỉ giải quyết vụ án*” là không đúng thủ tục tố tụng quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên trong phần quyết định.

[4] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là có cơ sở, đúng pháp luật. Ông Lê Châu L kháng cáo không được chấp nhận nhưng được miễn án phí phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Châu L (yêu cầu vợ chồng ông V, bà L1 tháo dỡ công trình xây dựng lấn chiếm để trả lại rãnh thoát nước, thông khí chung cho khu tập thể; yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BK 992662 mà Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho vợ chồng ông V, bà L1 ngày 15/11/2012).

2. Ông Lê Châu L được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí đo đạc 4.846.000 đồng theo Phiếu thu ngày 29/10/2020 của Trung tâm Kỹ thuật và Tài nguyên môi trường Đà Nẵng và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) ông Lê Châu L phải chịu (ông L đã nộp và đã chi xong).

4. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Châu L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân